

Nghệ An, ngày 11 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh năm 2025)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội thông qua và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Trung Đô;
- Biên bản họp HĐQT Công ty CP Trung Đô ngày11./8/2025.

QUYẾT NGHỊ**Điều 1. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu chính sau:**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm 2024/2023	
			Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	479,673	518,596	(38,923)	-8%
Giá vốn hàng bán	407,194	392,139	15,055	4%
Tỷ lệ giá vốn/ doanh thu	85%	76%	9%	12%
Lợi nhuận gộp (1-2)	72,479	126,457	(53,978)	-43%
Doanh thu hoạt động tài chính	248	1,571	(1,323)	-84%
Chi phí tài chính	44,387	39,241	5,146	13%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	43,810	39,180	4,630	12%
Chi phí bán hàng	22,184	23,985	(1,801)	-8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,577	21,944	(1,367)	-6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(14,420)	42,857	(57,277)	-134%
Lợi nhuận trước thuế	21,390	43,497	(22,107)	-51%
Lợi nhuận sau thuế	13,608	34,816	(21,208)	-61%

Thông qua bảng cân đối tài sản – nguồn vốn của công ty như sau:

Chỉ tiêu	2024		Tăng giảm		2023		Tăng giảm	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	584,129	36.9%	(71,092)	-10.9%	655,221	38.4%	102,653	18.6%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	9,891	0.6%	(3,342)	-25.3%	13,233	0.8%	(840)	-6.0%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,000	0.1%	(6,462)	-86.6%	7,462	0.4%	(25,557)	-77.4%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	95,279	6.0%	(10,148)	-9.6%	105,426	6.2%	(18,723)	-15.1%
IV. Hàng tồn kho	462,958	29.3%	(33,765)	-6.8%	496,723	29.1%	149,092	42.9%
V. Tài sản ngắn hạn khác	15,002	0.9%	(17,375)	-53.7%	32,377	1.9%	(1,318)	-3.9%

B.TÀI SẢN DÀI HẠN	997,433	63.1%	(53,097)	-5.1%	1,050,530	61.6%	70,813	7.2%
I.Các khoản phải thu dài hạn	314	0.0%	(364)	-53.7%	678	0.0%	678	
II.Tài sản cố định	824,010	52.1%	(62,811)	-7.1%	886,821	52.0%	690,432	351.6%
III.Bất động sản đầu tư	74,783	4.7%	(4,322)	-5.5%	79,105	4.6%	(3,313)	-4.0%
V.Đầu tư tài chính dài hạn	-		(1,000)	-100.0%	1,000	0.1%	(500)	-33.3%
VI.Tài sản dài hạn khác	27,335	1.7%	(2,186)	-7.4%	29,521	1.7%	16,195	121.5%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,581,563	100.0%	(124,189)	-7.3%	1,705,751	100.0%	173,466	11.3%
C. NỢ PHẢI TRẢ	816,992	51.7%	(120,784)	-12.9%	937,776	55.0%	92,837	11.0%
I. Nợ ngắn hạn	440,126	27.8%	(71,432)	-14.0%	511,558	30.0%	(117,879)	-18.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	80,540	5.1%	(1,169)	-1.4%	81,709	4.8%	(170,040)	-67.5%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5,559	0.4%	(2,347)	-29.7%	7,906	0.5%	4,142	110.1%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	251,678	15.9%	(60,440)	-19.4%	312,118	18.3%	44,865	16.8%
II. Nợ dài hạn	376,866	23.8%	(49,352)	-11.6%	426,218	25.0%	210,715	97.8%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	364,498	23.0%	(11,922)	-3.2%	376,420	22.1%	217,376	136.7%
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	764,570	48.3%	(3,405)	-0.4%	767,975	45.0%	(3,465)	-0.4%
I. Vốn chủ sở hữu	759,864	48.0%	(1,392)	-0.2%	761,256	44.6%	(10,184)	-1.3%
Vốn góp của chủ sở hữu	300,000	19.0%	-		300,000	17.6%	-	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153,852	9.7%	(1,392)	-0.9%	155,244	9.1%	(10,184)	-6.2%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	4,706	0.3%	(2,013)	-30.0%	6,718	0.4%	6,895	3909.2%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,581,563	100.0%	(124,189)	-7.3%	1,705,751	100.0%	89,371	5.5%

Điều 2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh kế hoạch năm 2025 với kết quả thực hiện năm 2024	
			+/-	%
Doanh thu thuần	660.395	479.673	180.722	37,7
Tổng chi phí	640.545	495.079	145.466	29,4
+ Giá vốn hàng bán	556.641	407.194	149.447	36,7
+ Chi phí bán hàng	24.333	22.184	2.149	9,6
+ Chi phí QLDN	18.475	20.577	-2.102	-10,2
+ Chi phí lãi vay	40.456	43.810	-3.351	-7,6
+ Chi phí khác	640	1.314	-674	-51,2
Lợi nhuận trước thuế	19.850	21.390	-1.540	-7,2
Lợi nhuận sau thuế	15.880	13.608	2.272	16,7

Doanh thu, chi phí theo đơn vị phụ thuộc:

T	Các Đơn vị	Giá trị SXKD	Doanh thu	Tổng các	Trong đó	Tổng g số
---	------------	--------------	-----------	----------	----------	-----------

				khoản phải nộp	Kinh phí quản lý Công ty	Nộp BHXH	Lãi trước thuế	Thuế VAT	Khấu hao	Lãi vay (TT)	Khác (TT...)	lao động g
	TỔNG SỐ	679.273	660.395	198.949								526
I	Xây lắp	66.754	61.809	4.768	1.236	529		859	2.144			42
1	Xí nghiệp Trung Đô 1	66.754	61.809	4.768	1.236	529		859	2.144			42
II	Sản xuất vật liệu và khác	612.519	568.586	194.180	10.470	7.846	28.885	14.10 2	62.158	67.885	2.835	484
1	Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	165.120	152.934	23.035	3.059	1.400	11.850	3.154	1.500	1.050	1.023	134
2	Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	38.000	41.750	5.188	0	2.100	1.589	1.196	303			90
3	Nhà máy Granite Trung Đô	182.116	175.858	36.733	3.493	2.242	15.445	3.821	3.662	7.929	141	125
4	Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	54.454	50.340	26.144	964	1.000		2.161	14.019	8.000		55
5	Nhà máy Trung Đô Slabstone	172.828	147.704	103.080	2.954	1.104		3.771	42.674	50.906	1.671	80
II I	Kinh doanh bất động sản và khác		30.000				7.000					
1	Dự án KĐT Nam Nguyễn Sỹ Sách		14.000				2.800					
2	Dự án Nhà N03- T6 Khu ngoại giao đoàn		6.000				1.200					
3	Kinh doanh dịch vụ cho thuê bất động sản		10.000				3.000					

Điều 3: Đồng ý thực hiện giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, mở L/C và thông qua các Hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh với số tiền tối đa là **503.000.000.000** đồng, trong đó:

- a) Hạn mức vay vốn ngắn hạn, với số tiền tối đa: 120.000.000.000 đồng
- b) Hạn mức vay vốn trung dài hạn, số tiền tối đa: 383.000.000.000 đồng, gồm:
- + Khoản tín dụng 1: Vay đầu tư dự án Khu liên hợp sản xuất vật liệu xây dựng Trung Đô tại xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc (*giảm dần theo dư nợ*), số tiền: 380.000.000.000 đồng
 - + Khoản tín dụng 2: Vay Dự án Dây chuyền đồng bộ khử trắng trường thạch năm 2019 (*giảm dần theo dư nợ*), số tiền: 3.000.000.000 đồng
- c) Hạn mức bảo lãnh với số tiền tối đa: 30.000.000.000 đồng
- d) Hạn mức mở L/C với số tiền tối đa: 30.000.000.000 đồng

Điều 4: Đồng ý thông qua toàn bộ các nội dung của Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp được ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh. Đồng ý ủy quyền: **Ông Nguyễn Duy Hiền** giữ chức vụ Giám đốc Công ty được quyền đại diện công ty ký kết các tài liệu, thủ tục liên quan đến vay vốn, bảo đảm tiền vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh. Trường hợp Ông Nguyễn Duy Hiền bận công việc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện các công việc trên.

Điều 5: Đồng ý việc sử dụng tất cả các tài sản của Công ty và các tài sản khác để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng nêu tại Mục 3 và các giao dịch khác giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh.

Điều 6. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận :

- Như Điều 6;
- Lưu VT. 



Nguyễn Hồng Sơn

